

324.259 707 509 597 75

ĐC

L 302 S

ỦY ĐỒNG NAI
ĐẢNG BỘ HUYỆN CẨM MỸ

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN CẨM MỸ (1930 - 2010)

 NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

*Lịch sử Đảng bộ huyện Cẩm Mỹ
(1930–2010)*

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI
ĐẢNG BỘ HUYỆN CẨM MỸ

Lịch sử Đảng bộ
Huyện Cẩm Mỹ
(1930–2010)



2025/ĐC/VV C02063

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

• *Chỉ đạo thực hiện:*

Ban Thường vụ Huyện ủy Cẩm Mỹ

• *Ban biên soạn:*

– Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cẩm Mỹ

– Ths. Trần Quang Toại

Lời giới thiệu

Cẩm Mỹ là một huyện của tỉnh Đồng Nai, chính thức thành lập và đi vào hoạt động từ đầu năm 2004 (theo Nghị định số 97/2003/NĐ-CP ngày 21-8-2003 của Chính phủ). Tuy nhiên, thông qua kết quả khai quật khảo cổ học thì vùng đất Cẩm Mỹ đã có người sinh sống từ hàng ngàn năm trước.

Huyện Cẩm Mỹ có vị trí quan trọng nằm dọc theo lộ 2 (nay là quốc lộ 56), hương lộ 10... tiếp giáp với huyện Xuân Lộc, thị xã Long Khánh, Long Thành của tỉnh Đồng Nai, huyện Châu Đức, Xuyên Mộc của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Cư dân lâu đời ngoài dân tộc thiểu số Châu Ro, là đội ngũ công nhân cao su vốn là nông dân các tỉnh miền Trung, miền Bắc vào làm phu các đồn điền Cuộc-tơ-nay (nay là Nông trường cao su Cẩm Mỹ), Cam Tiêm (nay là nông trường cao su Ông Quế) những năm đầu thế kỷ 20, có truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, công nhân cao su Cẩm Mỹ, Ông Quế, Cẩm Đường... dọc lộ 2 và nhân dân Bảo Bình có phong trào du kích chiến tranh phát triển, là nơi đứng chân, cửa khẩu hậu cần của các lực lượng kháng chiến miền Đông Nam bộ, tỉnh Biên Hòa, Bà

Rịa – Long Khánh. Trong suốt 30 năm kháng chiến, công nhân, nhân dân Cẩm Mỹ chịu nhiều hi sinh mất mát, nhưng vẫn một lòng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc thống nhất đất nước; góp phần xây dựng nên truyền thống “Miền Đông gian lao mà anh dũng”.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ, quân dân huyện Cẩm Mỹ không ngừng ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định cuộc sống, lao động sản xuất giữ vững an ninh chính trị, xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, có những đóng góp nhất định vào công cuộc xây dựng tỉnh Đồng Nai từng bước tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Lịch sử phát triển của Đảng bộ, quân dân huyện Cẩm Mỹ thể hiện truyền thống đoàn kết của Đảng bộ, truyền thống yêu nước cách mạng của nhân dân huyện nhà. Ghi lại những thành tựu, đóng góp của Đảng bộ và quân dân địa phương trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội là cơ sở để giáo dục truyền thống cách mạng, đồng thời củng cố niềm tin cho Đảng bộ và nhân dân huyện nhà trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Nhân kỷ niệm 10 năm thành lập huyện Cẩm Mỹ, sau một thời gian sưu tầm, nghiên cứu tư liệu, Đảng bộ huyện Cẩm Mỹ cho biên soạn và xuất bản *Lịch sử Đảng bộ huyện Cẩm Mỹ 1930 – 2010*.

Chúng tôi chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, cán bộ, chiến sĩ, cơ sở cách mạng trong và ngoài huyện đã giúp đỡ chúng tôi trong quá trình thực hiện quyển sử này. Tuy nhiên, do nhiều điều kiện khách quan, chủ quan, ấn phẩm không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý bổ sung của các đồng chí và nhân dân để ban biên soạn hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu.

TM. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Bí thư

Bùi Hữu Hạnh

Mở đầu

HUYỆN CẨM MỸ ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI, TRUYỀN THỐNG

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH HUYỆN CẨM MỸ

Huyện Cẩm Mỹ được thành lập theo Nghị định số 97/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ trên cơ sở điều chỉnh và tách từ hai huyện Xuân Lộc và huyện Long Khánh (nhưng chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2004).

Huyện Cẩm Mỹ phía bắc giáp thị xã Long Khánh và huyện Xuân Lộc; phía tây giáp huyện Thống Nhất và huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai; nam tây nam giáp huyện Xuyên Mộc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, diện tích 46.796 ha, dân số 151.696 người, gồm có 13 xã: Sông Nhạn, Xuân Mỹ, Xuân Quế, Thừa Đức, Nhân Nghĩa, Bảo Bình, Xuân Đường, Xuân Bảo, Long Giao, Xuân Tây, Sông Ray, Xuân Đông, Lâm San.

Tên huyện Cẩm Mỹ tuy mới được đặt từ năm 2003, nhưng vùng đất Cẩm Mỹ ngày nay đã có lịch sử lâu đời. Mùa xuân 1698 (năm Mậu Dần), Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào xây dựng bộ máy quản lý hành chính ở phía Nam, lấy đất Đồng Nai (gần như Nam bộ) lập phủ Gia Định với huyện Tân Bình có dinh Phiên Trấn và huyện Phước Long (Biên Hòa) với dinh Trấn Biên. Năm 1806 thời vua Gia Long đổi thành trấn Biên Hòa; đến thời vua Minh Mạng thứ 13 (1832) đổi thành tỉnh Biên Hòa.

Vùng phía bắc của tỉnh Biên Hòa có nhiều cư dân người dân tộc thiểu số sinh sống, thời vua Minh Mạng đã thành lập hai thủ (một đơn vị hành chính ở vùng dân tộc) là Long Giao và Hưng Phước. Đến năm 1824, thủ Hưng Phước đổi thành thủ Long An; thủ Long Giao đổi thành thủ Phước Khánh. Đến triều Minh Mạng thứ 18 (1837), hai thủ Long An và Phước Khánh nhập thành huyện Long Khánh thuộc phủ Phước Tuy, tỉnh Biên Hòa. Đến thời vua Tự Đức huyện Long Khánh gồm 6 tổng 47 xã thôn, trong đó có tổng An Viễn. Đến năm 1912 tổng An Viễn gồm 6 thôn người dân tộc thiểu số: Cam Ngôn (sau 1956 giải thể), La Minh (sau 1956 giải thể), Cam Đường (sau 1956 gọi là làng Cẩm Đường), Cam Mỹ (sau 1956 gọi là làng Cẩm Mỹ), Cam Tiêm (sau 1956 gọi là làng Cẩm Tiêm rồi Ông Quế), Thụy Hương. Dân tộc thiểu số được vua ban cho các chữ Tùng, Lâm, Đào, Lý, Dương, Mai để làm họ.

Ngày 24-4-1957, chính quyền Sài Gòn ban hành Nghị định số 131-BNV/HC/NĐ thành lập tỉnh Long Khánh gồm

có hai quận Xuân Lộc và Định Quán, trong đó quận Xuân Lộc chỉ có 1 tổng Bình Lâm Thượng gồm 13 xã là:

Xuân Lộc, An Lộc, Tân lập, Thới Giao, Cẩm Mỹ, Cẩm Tiêm, Gia Ray, Hưng Lộc, Dầu Giây, Gia Kiệm, Bình Lộc, Bình Hòa, Bến Nôm. Trong đó các xã Cẩm Tiêm, Cẩm Mỹ, Thới Giao nay thuộc huyện Cẩm Mỹ.

Năm 1963, ngụy quyền tách xã Xuân Lộc thành hai xã Xuân Lộc và Hiếu Kinh. Với chính quyền cách mạng, thường gọi là xã Bảo Bình gồm 3 ấp Bảo Bình 1, Bảo Bình 2, Bảo Bình 3.

Đến ngày 31-12-1974, chính quyền Sài Gòn ban hành Nghị định 996-NĐ/NV nâng xã Gia Ray của quận Xuân Lộc thành quận Bình Khánh với hai xã là Đồng Tâm và Xuân An.

Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp và giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ (1945–1954; 1954–1960), vùng đất huyện Cẩm Mỹ ngày nay thuộc về quận Xuân Lộc (từ năm 1948 gọi là huyện Xuân Lộc).

Tháng 10-1960, sau sự kiện Đồng Khởi, để lãnh đạo phong trào cách mạng và bố trí chiến trường theo địa lý hành chính của chế độ Sài Gòn, Trung ương Cục miền Nam thành lập tỉnh Long Khánh gồm hai huyện Xuân Lộc và Định Quán. Địa giới huyện Cẩm Mỹ ngày nay vẫn thuộc huyện Xuân Lộc tỉnh Long Khánh. Trong quá trình kháng chiến chống Mỹ, vùng đất thuộc huyện Cẩm Mỹ ngày nay lúc thuộc tỉnh Bà Biên (1963), lúc thuộc tỉnh Bà Rịa – Long Khánh (từ tháng 10-1966 đến tháng 5-1971), khi thuộc Phân

khu Bà Rịa (từ tháng 5-1971 đến tháng 8-1972), rồi lại về tỉnh Bà Rịa – Long Khánh (tháng 8-1972 đến tháng 12-1975).

Từ tháng 1-1976, vùng đất nay là huyện Cẩm Mỹ thuộc huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai. Ngày 10-4-1991, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra quyết định số 107/HĐBT tách huyện Xuân Lộc ra thành hai huyện Xuân Lộc và huyện Long Khánh (nay là thị xã Long Khánh). Đến tháng 8-2003, trên cơ sở điều chỉnh một số xã từ huyện Xuân Lộc và thị xã Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ thành lập như hiện nay.

II. HUYỆN CẨM MỸ, VÙNG ĐẤT CÓ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA

Những phát hiện khảo cổ ở vùng đất Long Khánh tiếp giáp huyện Cẩm Mỹ ngày nay cho thấy Cẩm Mỹ là vùng đất đã có người cổ sinh sống lâu đời.

Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp bắt đầu công cuộc khai thác thuộc địa ở Biên Hòa nhằm bóc lột tài nguyên thiên nhiên phong phú ở vùng đất đỏ bazan Xuân Lộc (gồm cả Cẩm Mỹ), trong đó có việc xây dựng các đồn điền cao su, mở đường quốc lộ 1, tỉnh lộ số 2 (nay là quốc lộ 56) từ Xuân Lộc về Bà Rịa.

Năm 1927, khi mở con đường số 2, ông Jean Bouchot (kỹ sư người Pháp) đã phát hiện mộ Cự thạch Hàng Gòn.

Mộ Cự thạch Hàng Gòn nằm trên phần đất của Công ty cao su Xuân Lộc, tổng Bình Lâm Thượng, tỉnh Biên Hòa; sau đó thuộc ấp Hàng Gòn, ấp Xuân Thanh, xã Xuân Tân, huyện Xuân Lộc, nay là phường Xuân Tân thị xã Long

Khánh tỉnh Đồng Nai, cao độ 250 m (so mặt nước biển), cách tỉnh lộ 2 (nay là quốc lộ 56) khoảng 100 m về phía tây, cách Xuân Lộc 8 km về phía nam và cách Biên Hòa 50 km về phía đông. Mộ hình hộp ghép bởi sáu tấm đá hoa cương có kích thước dài 4,20 m, ngang 2,7 m, cao 1,6 m được bào mài khá nhẵn ở mặt ngoài, bên trong đẽo gọt sơ sài. Bốn tấm đan thẳng đứng dùng làm vách đứng, hai tấm nằm ngang làm mặt đáy và mặt đáy. Nắp mộ dày 30 cm hơi cong trong khi các vách mỏng hơn đôi chút (từ 21 – 25 cm). Jean Bouchot đã làm một bài tính căn cứ vào tỷ trọng của đá hoa cương, nắp mộ nặng khoảng 7 tấn.

Mộ Cự thạch Hàng Gòn là một loại hình Dolmen (kiến trúc mộ đá) lớn nhất so với những ngôi mộ thời tiền sử phát hiện ở châu Á, một kiến trúc tín ngưỡng của người xưa có niên đại từ 3.000 đến 2.500 năm cách ngày nay. Di tích mộ Cự thạch Hàng Gòn cho thấy nghệ thuật, kỹ thuật đục đẽo của người cổ từng sinh sống trên địa bàn này. Sự tồn tại của mộ Cự thạch Hàng Gòn vẫn còn những câu hỏi chưa có lời đáp: Chất liệu đá làm mộ không có ở Đồng Nai (một số nhà nghiên cứu cho loại đá này có thể có ở Phú Yên trở ra miền Trung). Thế thì người xưa ở vùng đất này bằng cách nào có thể khai thác được những khối đá khổng lồ và bằng phương tiện nào để có thể vận chuyển các khối đá để về xây dựng nên mộ cổ?

Những năm tiếp sau đó, nhiều cuộc thám sát, khai quật khảo cổ học ở nhiều địa điểm xung quanh Hàng Gòn, tìm thấy nhiều hiện vật đồ đá, cho phép khẳng định đây là

vùng đất có người cổ sinh sống cách ngày nay hàng ngàn năm.

Năm 1986, trong quá trình điền dã và thám sát khảo cổ học, tại nông trường Cẩm Mỹ, công nhân đã giúp cho Bảo tàng Đồng Nai phát hiện và thu hồi nhiều hiện vật cổ bằng đá, bằng đồng, đặc biệt trong đó có con trúc đồng bằng chất liệu đồng (hiện nay đang được trưng bày tại Bảo tàng Đồng Nai và đã được đơn vị lập hồ sơ trình Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đưa vào danh sách bảo vật quốc gia). Ngoài mộ cổ Hàng Gòn, trúc đồng phát hiện ở Cẩm Mỹ cho thấy được trình độ văn minh của người xưa trên vùng đất này, một hiện vật thể hiện trình độ thẩm mỹ, trình độ kỹ thuật đúc đồng tinh diệu của người xưa.

1. Đặc điểm tự nhiên và nhân văn

Về khí hậu, huyện Cẩm Mỹ nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, mỗi năm có hai mùa mưa nắng, mùa mưa bắt đầu tháng 5 đến tháng 11. Mùa nắng từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa bình quân từ 1956 – 2113 mm. Về thổ nhưỡng, huyện Cẩm Mỹ nằm trong khu vực núi lửa phun trào cách nay hàng triệu năm. Những phún xuất thạch tạo nên vùng đất đỏ bazan phì nhiêu rất thích hợp cho các loại cây công nghiệp như cao su, tiêu, cà phê, điều và các loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn trái. Ngoài ra, Cẩm Mỹ còn có loại đất đen thích hợp các loại cây công nghiệp, cây ăn trái.

Hầu hết các sông suối trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ đều nhỏ, ngắn và không sâu, do vậy nguồn nước mặt phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt bị hạn chế. Tuy nhiên, các sông suối được phân bố rộng, có khả năng cung cấp nước trong mùa khô như sông Ray, suối Cả, suối Râm, suối Thề... Đặc biệt sông Ray đoạn chảy qua huyện dài 25 km, lưu lượng trung bình $10,6\text{m}^3/\text{s}$, dòng sông chính có nước quanh năm, còn đại bộ phận các nhánh suối đều cạn kiệt vào mùa khô. Nhiều công trình hồ, đập đã được xây dựng nhằm khai thác sử dụng nguồn nước từ các sông suối nói trên, bao gồm hồ Suối Vọng, hồ suối Đồi, hồ suối Cả, hồ cầu Mới, hồ suối Rang, hồ Long Giao... Các đập đã được xây dựng như đập suối Sáu (xã Sông Nhạn), suối nước Trong (xã Xuân Bảo), đập Giao Thông (xã Lâm San), đập Cù Nhí (xã Sông Ray), đập suối Nhác...

Với địa thế tự nhiên, nhiều hồ đập, huyện Cẩm Mỹ có thể quy hoạch những khu du lịch sinh thái, đón khách từ Vũng Tàu về, Long Thành qua.

Huyện Cẩm Mỹ còn có tài nguyên đá có thể khai thác làm vật liệu xây dựng, làm bàn ghế đá, đất làm gạch; tổng khu vực có thể khai thác đá xây dựng trên 8,8 ha; hàng năm có thể khai thác từ 25.000 đến 30.000 m^3 đá cho nhu cầu xây dựng, sản xuất trên 2.000 bộ bàn ghế đá các loại. Nguồn đất sét tại chỗ mỗi năm có thể khai thác sản xuất trên 5 triệu viên gạch.

Trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ, có 4 đường giao thông chính: Quốc lộ 56 (lộ 2 cũ) là đường trục chính của huyện từ

Hàng Gòn qua xã Nhân Nghĩa, xã Long Giao, xã Xuân Mỹ xuống huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; đường 764 từ ngã ba xã Xuân Mỹ xuống xã Sông Ray tiếp giáp huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; đường 765 từ xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc qua xã Xuân Đông, Sông Ray và xã Lâm Sơn tiếp giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; hương lộ 10 từ xã Long Giao qua Cẩm Đường, Suối Trầu, Bình Sơn (Long Thành) ra thị trấn Long Thành nối liền với đường quốc lộ 51A.

Là một huyện nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có các đầu mối giao thông thuận lợi về đường bộ, Cẩm Mỹ đang có rất nhiều điều kiện để mở rộng giao lưu phát triển kinh tế, trao đổi hàng hóa với các địa phương trong cả nước. Đặc biệt, theo quy hoạch của trung ương và của tỉnh, huyện Cẩm Mỹ nằm trong một vùng kinh tế phát triển với nhiều công trình được xây dựng quy mô lớn, có tác động mạnh đến đời sống kinh tế – xã hội của địa phương, như: Sân bay quốc tế Long Thành (kế cận huyện Cẩm Mỹ); đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây (dài 54,94 km, đoạn đi qua huyện Cẩm Mỹ dài 8 km); Cụm cảng nước sâu Vũng Tàu – Thị Vải... Các công trình này khi xây dựng hoàn thành có thể thu hút rất nhiều nguồn nhân lực, giải quyết việc làm cho người lao động ở địa phương.

Về dân cư, huyện Cẩm Mỹ có mật độ dân số 324 người/km² (tỉnh Đồng Nai 369 người/km²), cao hơn mật độ dân số 3 huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, trong đó mật độ dân số cao như xã Sông Ray (519 người/km²), Xuân

Mỹ, Xuân Bảo (trên 400 người/km²); các xã Xuân Đường, Sông Nhạn, Xuân Quế mật độ chỉ trên dưới 200 người/km². Cư dân bản địa huyện Cẩm Mỹ là những dân tộc thiểu số như Châu Ro, S'tiêng và những người vốn xuất thân từ những công nhân công tra cao su vào lao động trong các đồn điền cao su dọc lộ số 2 những năm đầu thế kỷ XX.

2. Vị trí chiến lược

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, vùng đất huyện Cẩm Mỹ có vị trí quan trọng: Địa bàn huyện hầu hết là rừng tự nhiên và rừng cao su (Cẩm Mỹ, Cẩm Tiêm tức Ông Quế), liền với cao su Cẩm Đường, Bình Sơn của huyện Long Thành và nhiều đồn điền tư nhân (trên lộ số 2) như Việt Cường, Quang Minh, Hoàng Quân, Hòa Lạc, Quỳnh Hương, sở Bà Đầm... tiếp giáp với huyện Xuân Lộc, huyện Châu Đức, Xuyên Mộc (Bà Rịa – Vũng Tàu), trong đó xã Sông Ray từng là căn cứ, nơi đứng chân chỉ đạo của Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh. Lộ số 2 (nay là tỉnh lộ 56) là con đường vận chuyển nguyên liệu cao su về Sài Gòn; đồng thời là đường vận chuyển quân sự của thực dân, đế quốc Mỹ về Vũng Tàu.

Năm 1957, chính quyền Sài Gòn thành lập tỉnh Long Khánh (bao gồm cả các huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thị xã Long Khánh). Khi Mỹ bắt đầu đổ quân vào miền Nam thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ, miền Đông Nam bộ trở thành chiến trường quan trọng trong toàn bộ cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954–1975), huyện Cẩm Mỹ có xã Bảo Bình thuộc huyện Xuân Lộc và các đồn điền cao su như Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Ông Quế, Cẩm Đường và một số đồn điền tư nhân (lộ số 2) thuộc huyện Cao Su tỉnh Long Khánh (sau tháng 12-1966 là tỉnh Bà Rịa – Long Khánh).

Để bảo vệ con đường huyết mạch liên tỉnh số 2, hỗ trợ chi viện cho chiến trường miền Đông và cực Nam Trung bộ, đặc biệt các quốc lộ 1, quốc lộ 15, Mỹ xây dựng căn cứ Trung đoàn 11 thiết giáp ở Suối Râm, ở Long Giao (thường gọi căn cứ Suối Râm) với trên 650 xe tăng thiết giáp. Định xây dựng chi khu Xuân Lộc với 1 tiểu đoàn bảo an cơ động. Lực lượng định bố trí trên địa bàn gồm Sư đoàn 18 bộ binh; tại dinh điền Cẩm Đường bố trí 1 đại đội bảo an; Ông Quế, Cẩm Mỹ có 1 đại đội bảo an và trung đội dân vệ, thanh niên chiến đấu, phòng vệ xung kích và hệ thống tề xã, ấp.

Ngoài ra, lực lượng chi viện và cơ động hỗ trợ bình định gồm có Trung đoàn Hoàng gia Úc và pháo binh Tân Tây Lan đóng tại Núi Đất (Hòa Long, Bà Rịa) thường xuyên hành quân càn quét, đánh phá phạm vi đến Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Lâm San, Sông Ray. Tại khu vực Long Thành có Sư đoàn Mãng xà vương Thái Lan đứng chân ở căn cứ Nước Trong phạm vi hoạt động đánh phá đến khu vực Thừa Đức, Cẩm Đường, Sông Nhạn, Ông Quế... Từng đợt chiến dịch địch còn tăng cường Lữ dù 173 và Lữ bộ binh 199 của Mỹ tham gia đánh phá, càn quét khu vực đông tây lộ 2.



2025/ĐC/VV
C02063

Quốc lộ 1, quốc lộ 15 và đường liên tỉnh số 2 (nay là quốc lộ 56) trong kháng chiến được xem là khu tam giác quan trọng, nơi hoạt động, đứng chân xây dựng hậu cần của kháng chiến. Lộ số 2 với các đồn điền cao su, công nhân có truyền thống yêu nước, yêu cách mạng là nơi đứng chân hoạt động của các lực lượng vũ trang chủ lực Miền và Quân khu 7 như Trung đoàn 4, Trung đoàn 33, Tiểu đoàn 445, Tiểu đoàn 440 tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, nơi đứng chân chỉ đạo của huyện Cao Su tỉnh Bà Rịa – Long Khánh...; đồng thời trên tỉnh lộ 2 các đơn vị hậu cần của tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, hậu cần Khu miền Đông... cũng mở nhiều cửa khẩu hậu cần thu mua hàng hóa thiết yếu cho cách mạng (như gạo, thực phẩm, các thiết bị y tế...).

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Bảo Bình, Cẩm Mỹ là vùng chiến sự ác liệt. Địch liên tục đánh phá vùng nam – bắc lộ 1, đông – tây lộ 2 và nam – bắc lộ 15, gom dân về các ấp chiến lược, kìm kẹp công nhân các đồn điền Cẩm Mỹ, Cẩm Đường, Ông Quế..., dùng xe ủi phá rừng hai bên đường số 2 nhằm bóc các căn cứ của ta, đánh phá các cửa khẩu mua lương thực của hậu cần ta.

III. TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH

1. Sự ra đời và nổi khốn khổ của công nhân cao su

Thực dân Pháp với kinh nghiệm trong việc khai thác, bóc lột thuộc địa đã sớm nhìn thấy Biên Hòa (trong đó có Xuân Lộc, Cẩm Mỹ) là vùng đất đầy tiềm năng để làm giàu.

Tuy nhiên phải đến khi Pôn Đu-me (Paul Doumer) lên làm Toàn quyền Đông Dương, thì chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp mới thật sự được thực thi một cách có bài bản và kế hoạch: “Đẩy mạnh nền sản xuất và thương mại bằng việc phát triển công cuộc thực dân hóa của người Pháp và bằng sức lao động của người bản xứ” (theo dự án ngày 23-7-1798 do Pôn Đu-me soạn gửi cho Bộ trưởng thuộc địa Pháp) ⁽¹⁾.

Theo dự án này, nền sản xuất ở thuộc địa chỉ nhằm cung ứng cho nước Pháp các nguyên liệu mà nền công nghiệp Pháp đang cần hay những vật phẩm với giá rẻ mà nước Pháp không có; nền công nghiệp thuộc địa không phương hại đến công nghiệp ở chính quốc, đồng thời biến thuộc địa thành thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp Pháp.

Với dự án này, Pôn Đu-me được giới tư bản Pháp đánh giá là “vị toàn quyền tài giỏi nhất, từ lâu xứ thuộc địa này chưa từng có và cũng sẽ không có” ⁽²⁾. Chính sách Pôn Đu-me đề ra cũng khởi đầu cho việc đẩy mạnh công cuộc trồng và khai thác cao su – một loại vàng trắng mang lại siêu lợi nhuận cho tư bản thực dân Pháp.

¹ P. Doumer, *L'Indochine française (Souvenir) Đông Dương thuộc Pháp* (Hồi ký), dẫn theo Đinh Xuân Lâm và nnk: *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, T.II, tr.96, Nxb Giáo dục 1998.

² Arnaud de Voguel: *Ainsi la SIPH vint du monde*, Paris, 1993.

Cuối những năm 90 thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nhiều tư bản Pháp triển khai các dự án trồng và khai thác các sản phẩm trong nông nghiệp, nhưng đa số trồng mía, tiêu, ca cao, thu lợi không cao.

Năm 1910, Công ty đồn điền Đất Đỏ (Société des plantations des terres rouges, viết tắt là SPTR) được thành lập, trụ sở đặt tại Sài Gòn. Công ty khai thác cao su ở Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một. Vốn ban đầu của công ty là 2.300.000 franc với 23.000 cổ phần. Đến năm 1923, số vốn tăng lên đến 36.000.000 franc; năm 1925 tăng lên 46 triệu và năm 1935 vốn tăng lên đến 110 triệu. Công ty này có 2 đồn điền ở Đồng Nai là đồn điền Long Thành (gồm Bình Sơn và An Viễn) thuộc huyện Long Thành và đồn điền Cuộc-tơ-nay (Cẩm Mỹ) nay thuộc huyện Cẩm Mỹ.

Năm 1910, Bi-ê-tri (Biétry), vốn là thủ lĩnh công đoàn vàng ở Pháp, được chính phủ thuộc địa cấp cho 20.000 ha đất đỏ ở Cam Tiêm. Sau đó do làm ăn thất bại, năm 1924 Bi-ê-tri bán lại vùng đất đỏ Cam Tiêm cho Gi-ra (Girad) để kinh doanh trồng mía và làm đường từ năm 1927, nhưng do thất bại liên tiếp từ 1928–1930, Gi-ra chuyển sang trồng cao su, lấy tên là đồn điền Ông Quế.

Những năm 20 của thế kỷ XX, trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ có hai công ty cao su của thực dân Pháp hoạt động. Đó là công ty đồn điền cao su Xuân Lộc (SPHXL: Société des plantations d'hévéas de Xuan Loc), công ty Đất Đỏ (SPTRL: Société des plantations des Terres rouges), trong đó những đồn điền trực thuộc như: Đồn điền Cam Tiêm đã trồng 150

ha/ 2.000 ha tổng diện tích; đồn điền Cuộc-tơ-nay (Courtenay). Từ năm 1926, công ty đồn điền nông nghiệp Sông Ray ra đời.

Cao su là một nguồn lợi lớn của tư bản thực dân, bọn chủ tư bản các đồn điền cấu kết với chính quyền thuộc địa phong kiến ở địa phương bóc lột công nhân một cách trắng trợn. Người dân tộc thiểu số sống lâu đời trong buôn sóc, bản làng trên mảnh đất đỏ phì nhiêu bị tư bản Pháp cấu kết chính quyền thuộc địa đuổi đi để lấy đất lập các đồn điền cao su.

Việc mộ phu từ miền Bắc, miền Trung vào lao động trong các đồn điền cao su là món mồi béo bở cho bọn mộ phu, bởi cứ mộ được một phu, bọn chúng được hưởng lợi từ 10 đến 12 đồng. Do vậy, bọn mộ phu đã tuyên truyền lừa mị người nông dân nghèo khổ đăng ký vào Nam, nào là mỗi ngày làm việc được lãnh 80 xu, được cấp gạo trắng, có cá, thịt, chỗ ở đàng hoàng, ốm đau được chăm sóc, ngày làm 6 giờ...

Thực tế hoàn toàn trái ngược. Đây là bức thư của một công nhân đăng trên báo Echo Annamite ngày 19-9-1928:

"... Họ phát trước cho chúng tôi mỗi người 5 đồng, chúng tôi lên xe ngồi, xe chạy thì họ trở mặt ngay, động một tí là họ chửi, họ đánh, gần đến Phan Thiết thì 2 cu ly đánh liều nhảy xuống, không biết sống chết ra sao. Đến nơi chúng tôi còn nhiều điều thất vọng nữa.

Tiền công mỗi ngày chỉ trả 0,3 đồng thay vì 0,80 đồng như họ đã nói, động một tý thì phạt lương, gạo chỉ phát vừa

đủ ăn, nước mắm thì hôi thối không ăn được, cá khô và thịt thì dùng mong đến mà rầy...”.

Đồng chí Trần Tử Bình trong “Phú Riêng đỏ” kể lại có người còn bị lừa ký hợp đồng bằng cách: “Chúng bảo chụp hình để trình nhà nước. Có thể sau này xảy ra chuyện gì, chính phủ mới bênh vực cho. Thế rồi chúng đưa người phu đi chụp ảnh... Sau đó, chúng đưa giấy bảo người ấy điểm chỉ để sau nhận ảnh. Sau đó mới biết té ra giấy đó lại chính là một tờ hợp đồng in sẵn. Cái người bị lừa ấy không bao giờ biết là mình đã điểm chỉ vào giấy bán đứt tính mạng và tự do của mình cho chủ tư bản” ⁽¹⁾.

Người lao động (tức đi mộ phu) ký giao kèo (Contrat) đi phu thường là 3 năm hết hạn. Nội dung ký giao kèo có nhiều điều khoản như: Công nhân có quyền về xứ, đi nơi khác làm hoặc tiếp tục ký lại công tra..., nhưng có những điều chúng chỉ hứa hẹn mà không đưa vào giao kèo, đa phần người phu bấy giờ ít học, không biết chữ cứ tin theo, người nào không biết ký tên thì lăn tay vào tờ giao kèo.

Trong thời gian giao kèo người công nhân không được tự do đi lao động cho chủ khác, không được thôi việc khi chưa hết hạn giao kèo dù có lý do chính đáng... Tóm lại, trong thời gian giao kèo, người phu đã bán mình cho chủ đồn điền có thời hạn. Nói có thời hạn nhưng đa số dân công tra ít người về được quê hương.

¹ Trần Tử Bình, *Phú Riêng đỏ*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1965, tr.241.

“Trước khi ở Bắc kỳ ra đi, người ta hứa phát gạo không mất tiền cho phu, nhưng khi đến đồn điền thì người ta trừ tiền gạo vào lương. Vợ cai, xu (giám thị) bán chịu gạo với giá 2 đồng một học, gạo này rất xấu, phu phải tự nấu ăn. Phu phải uống nước suối hay nước nguồn vì không có nước uống, vài người lấy lá cây rừng về nấu uống. Công tra là 3 năm, nhưng công ty tìm cách kéo dài thành 4 năm bằng cách vin cớ chủ nhật và những ngày lễ phu không đi làm. Nhưng sau 4 năm người phu may mắn sống sót cũng không có cách nào quay về xứ vì không có tiền và quần áo. Họ buộc phải ở lại và ký thêm giao kèo nữa.”⁽¹⁾

Theo nghị định ngày 25-10-1927 của chính quyền thực dân, phu đồn điền mỗi ngày làm việc nhiều nhất 10 giờ, kể cả thời gian đi và về; mỗi tuần được nghỉ 1 ngày hay hai tuần nghỉ 2 ngày liền; tết nghỉ 4 ngày; ngày 5 tháng 5 và rằm tháng bảy âm lịch cũng được nghỉ. Chủ quy định cho người phu tối thiểu đạt 25 công trong tháng. Phụ nữ sau khi sinh con được nghỉ 1 tháng ăn lương.

Nhưng thực tế hoàn toàn trái ngược. Trong một bài viết đăng trên báo *Phục Sinh* tháng 12-1928, viên thanh tra các vấn đề chính trị Đờ-la-ma (De Lamare) viết: “*Tuy nhiên tất cả những lời khai của những người phu mà tôi thu thập được đều nhất trí rằng, giờ lao động là như sau: 3 giờ sáng thức dậy, 4 giờ tập hợp, nhưng vì có hàng ngàn phu phải*

¹ Paul Monet: *Entre deux feux*, dẫn theo *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam*.

đến nên chắc chắn giờ khởi hành không thể trước 4 giờ 30, giữa ngày được nghỉ một giờ rưỡi, nhưng tất cả những người phu đều đoán chắc rằng chỉ đến tối mịt thì họ mới được trở về nhà" ⁽¹⁾.

Như vậy, tính ra mỗi ngày người công nhân phải làm từ 13 giờ đến 14 giờ đồng hồ. Bắt đầu 1 ngày làm việc khi trời còn tối, công nhân đã phải ra lô, con họ chưa thức dậy. Đến tối khi về nhà thì con đã ngủ rồi.

Người công nhân lao động ngoài lô cao su, phải đối đầu với nhiều hiểm nguy, tai nạn ngoài việc bị cai, xu, sếp đánh đập. Vào những năm khai phá rừng già để trồng cao su, với công cụ hết sức thô sơ lại cùn lứt, và do chưa có kinh nghiệm chặt hạ cây nên nhiều người bị cây đè chết. Ở Láng Lớn (sở Cuộc-tơ-nay) vào những năm đầu phá rừng trồng cao su, có ngày hàng chục công nhân bị gãy chân, gãy tay. Có người khi cây sắp đổ còn không biết cây đổ hướng nào, chạy không kịp bị cây đè chết. Những người bị chết được chất lên xe bò chở ra chôn ngoài nghĩa địa Láng Lớn.

Rừng ẩm thấp, nên muỗi, vắt, mối càng, kiến độc... có mặt khắp nơi. Loại kiến nhọt chích đau không thua ong chích. Loại mòng đỏ tía bằng hạt thầu dầu, cắn vào chân tay có thể gây sâu quầng (tức ghẻ hờm) rất khó chữa, nhiều công nhân phải cưa tay, chân vì không điều trị được. Mối rừng cắn gây sốt có người sốt nằm ở lô, bị mối ăn đến chết.

¹ Báo *Phục sinh* (Laresurrection) xuất bản ở Pháp số tháng 2-1928.

Để quản lý không cho dân phu bỏ trốn, ngay khi vào đồn điền làm phu, người lao động được phát một thẻ số để thay tên gọi. Cách quản lý công nhân của tư bản đồn điền quả không khác gì trong trại tù.

Bộ máy quản lý và cai trị đồn điền cao su gồm chủ, sếp, xu, cai, ký. Ngoài ra, còn có lính tuần tra.

Chúng đã chia những người làm việc ở đồn điền làm 4 hạng:

– *Hạng chủ, sếp*. Loại này hoàn toàn người Pháp, bọn này chính là những hung thần nắm trọn quyền sinh sát trong tay đối với công nhân.

– *Hạng thầy*. Loại này gồm xu, ký, cai chiếm khoảng 10% tổng số công nhân viên đồn điền. Những người này được chủ Tây ưu đãi hơn, (đặc biệt là xu, sếp, ký). Họ là những người thay mặt chủ, trực tiếp điều khiển công nhân. Những người này cũng phải bán sức lao động kiếm tiền lương. Dù rằng mỗi ngày họ gần gũi với công nhân nhưng việc làm và sinh hoạt của họ rất cách biệt. Họ là tầng lớp trên của đồn điền được công nhân gán cho là hạng “khạc ra lửa, mưa ra tiền”. Thông qua bộ máy xu, ký, cai này mà bọn chủ tư bản kiểm soát và bóc lột công nhân. Sử dụng hạng thầy này, những nhà tư bản Pháp đã làm cho người công nhân khó thấy được những thủ đoạn bóc lột tàn bạo của chúng. Người công nhân khi chưa được giác ngộ cách mạng, thường dễ nhận thấy đối tượng căm ghét chính của mình là loại này hơn là chủ, sếp Tây. Cho nên, có khi công nhân nói: “Thằng Tây không ác bằng người Việt”.

– *Hạng thợ*: Gồm thợ mộc, rèn, hồ, điện, cơ khí, tài xế... lương thợ thấp hơn thầy nhưng khá hơn dân phu, chiếm độ 5% tổng số công nhân.

– *Hạng phu*: gồm có phu cạo mủ, phu linh tinh, phu thời vụ, phu làm thường xuyên. Số này chiếm khoảng 85% tổng số công nhân trong sở. Công nhân cạo mủ chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong quá trình vườn cây đưa vào khai thác ngày càng nhiều.

Công nhân là nguồn lực làm ra loại “vàng trắng” cho tư bản, nhưng đồng thời cũng là lực lượng chịu nhiều bóc lột nhất trong đồn điền. Cao su là lãnh địa riêng của tư bản, là “địa ngục trần gian” của công nhân. Người phu cạo su trong đồn điền tư bản có thể bị đánh đập, cúp phạt lương vì hàng chục tội sau đây:

1. Bất kiểm lệch và không đúng kích thước.
2. Đặt chén hứng mủ hơi nghiêng, lau chén mủ không sạch.
3. Cạo không ngay, đường cạo không thẳng.
4. Cạo không đúng quy định 1mm (không được nông hoặc sâu hơn)
5. Cạo phạm xương cây.
6. Để mủ rơi xuống đất, dù chỉ vài giọt.
7. Trời mưa để mủ tràn dính cây mà không gỡ kịp.
8. Không cạo hết phần cây khoán.
9. Bệnh chưa liệt giường mà không đi làm.

10. Thu không đủ số mủ quy định.
11. Không biết “phải, quấy” với cai, xu.
12. Có vợ xinh mà không dâng cho sếp.
13. Để gốc cây bần...

Đây chính là những tội trạng mà bọn chủ Tây đề ra để hành hạ công nhân, nhiều người phu thường than vãn “trên đầu công nhân có bao nhiêu tóc thì có bấy nhiêu tội”.

Ở sở Cuộc-tơ-nay (nay là Cẩm Mỹ), ai vào làm sở này đều ghê sợ khi nghe đến tên chủ sở Bu-du. Hắn đánh phu cạo rất ác, ngày nào ra lô nó mặc quần dài thì thôi, còn thấy nó mặc quần “soọc” đi vào lô là ngày đó nó đánh người rất dữ. Tên “Rô-ba-trê méo miệng” đánh người phu đến mức chưa thấy đổ máu, nó nhào đến cắn vào người cho đổ máu ra mới chịu thôi. Ở đây còn có tên sếp Bô-lanh mà công nhân quen gọi là sếp “mũi lõ” hoặc Tây “ướt lưng”, nó rất siêng đi lô để đánh phu. Một hôm vào mùa đông, đã hơn 9 giờ sáng rồi mà rừng cao su Láng Lớn vẫn còn âm u, sương lạnh dày đặc, anh 68 (người phu được đặt số 68) hát chèo đang ngon tay cạo ở hàng cây đầu đường, anh tập trung tâm lực vào việc cạo để tránh những lỗi kỹ thuật như cạo vô xương, hay cạo đẩy dăm, nên thằng sếp Bô-lanh đến bên anh lúc nào anh không hay biết. Anh còn thanh niên có sức khỏe, cạo rất nhanh, thường ngày anh cạo một mạch đến khi nào gần hết phần cây mà rộng thời giờ anh mới nghỉ cạo một chút cho khỏe rồi mới cạo tiếp. Hôm ấy vì không để ý thằng sếp đến bên cạnh, anh vừa ngồi phịch xuống đất thở phì khoan khoái, thì bất ngờ tên Bô-lanh đi đến đá vào mặt,

vào người anh nhiều cái nẩy lửa. Anh chỉ biết kêu lên thất thanh và ngã xuống đất bất tỉnh, máu đổ đầy mặt. Một lúc lâu, anh 68 tỉnh lại, nó nắm tay lôi anh đứng dậy và nói “giỏi cho mày lời công việc, mày làm mà chẳng có mồ hôi thấm lưng”, rồi tiếp tục đánh. Không được chăm sóc thuốc thang, ba hôm sau anh tắt thở. Tên sếp Bô-lanh, hàng ngày còn bắt cai đánh phu cho nó coi, ai có “tội” bắt đánh 50 roi vào mông, cai đánh phu nhẹ, nó bắt cai nằm xuống cho phu đánh lại. Thấy gái được mắt, nó hỏi và ghi sổ, tối đến sai “gác đàn” xuống bắt lên cho nó làm nhục. Nó đến kíp “đi ve” của đàn bà, cai không biết ý bỏ đi mà còn luẩn quẩn ở đó thế nào cũng bị nó đánh.

Đến đồn điền Cuộc-tơ-nay, được nghe công nhân nhắc đến cái chết của anh phu 70 trong mùa mưa dầm tháng 6-1941 thật là thê thảm. Anh bị sốt rét nặng, sáng đi điểm danh, anh xin xu Lu ở Láng Lớn cho anh khai “ma lách” (malade tức khai bệnh). Nhưng xu Lu không cho, buộc anh phải ra lô cạo như mọi ngày. Vợ anh phu 70 thấy vậy, chạy về nhà bắt con gà mái tơ chạy lên nhà xu Lu. Hấn nhìn con gà mái tơ, mặt lạnh như tiền, rồi lắc đầu: “Đem gà về đi, vợ chồng mày có đôi, mày đem gà lên chi mà lẻ loi vậy?”. Chị 70 hiểu ý xu Lu, nhưng khổ nỗi, đào đâu ra con gà nữa. Anh 70 phải ráng lết ra phần cây của mình để cạo.

Thế rồi, trời vẫn vũ sắp đổ mưa. Tiếng đập thùng rầm lên báo hiệu lệnh trút mũ gấp. Anh 70 mệt lả, nhưng cũng ráng xách thùng đi trút mũ, nhưng kiệt lực anh đã xỉu tại gốc cây cao su. Vừa khi ấy xu Lu tới, hấn xấn tới không cần hỏi han, đá tới tấp vào người anh. Rồi cơn mưa ào đến, hấn

mặc vội áo mưa, nhảy lên xe đạp, đạp một mạch về hướng nhà mù. Dứt mưa, bác cai 3.000 điểm dân trong kíp thấy thiếu anh 70 cho người đi tìm và gặp anh nằm xoài trên đất đỏ, máu tươi rỉ bên mép, tay chân lạnh ngắt, cặp mắt nhắm nghiền. Anh em trong kíp thay phiên nhau bế anh về nhà, tối đó anh 70 đã tắt thở.

Ở đồn điền Ông Quế (trước kia có tên là Cam Tiêm), những dân phu cao su chết thật nhiều, chết như rạ, có trận dịch tả chết hàng trăm người, nên dân phu gọi thêm cái tên là Cà Rạ.

Cuộc sống của công nhân trong các đồn điền cao su thời Pháp thuộc chính là cuộc sống lao tù khổ sai, hoàn toàn trái ngược với cuộc sống nhung lụa, sống phè phỡn của bọn tư bản, địa chủ, tay sai thực dân ở các đồn điền trên mồ hôi, nước mắt và cả xương máu hàng ngàn công nhân, lao động⁽¹⁾.

¹ Bằng sự bóc lột hết sức tàn bạo, sức lao động của người phu cao su, bọn tư bản thực dân Pháp đã tạo ra những món siêu lợi nhuận khổng lồ:

<i>+ Công ty SIPH vốn ban đầu</i>	<i>29.600.000 fr</i>
Năm 1937 lãi	4.945.000 fr
Năm 1951 lãi	1.300.000.000 fr
<i>+ Công ty SPH-XL, vốn ban đầu</i>	<i>360.000 fr</i>
Năm 1937 lãi	4.193.000 fr
Năm 1939 lãi	8.830.000 fr
<i>+ Công ty Đất Đỏ, vốn ban đầu</i>	<i>2.300.000 fr</i>
Năm 1939 lãi	75.070.000 fr
Năm 1953 lãi	1.071.000.000 fr

2. Đấu tranh của công nhân

Trong cuộc sống tối tăm, bị áp bức bóc lột nặng nề của tư bản Pháp, địa chủ và bọn tay sai, công nhân, người lao động chỉ còn một con đường là vùng dậy đấu tranh.

Giữa năm 1925, Hội Thanh niên cách mạng Việt Nam (còn gọi Thanh niên cách mạng đồng chí hội) được Nguyễn Ái Quốc thành lập ở Quảng Châu (Trung Quốc). Nhiều thanh niên yêu nước được cử sang theo học các khóa huấn luyện, sau đó trở về nước hoạt động. Tháng 10-1926, Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi được cử về Sài Gòn xây dựng cơ sở. Mạng lưới Kỳ bộ Nam kỳ của Hội Thanh niên cách mạng Việt Nam phát triển nhanh ở Sài Gòn và các tỉnh với khoảng 500 hội viên. Thực hiện chủ trương vô sản hóa, nhiều hội viên hòa mình vào đi làm trong các nhà máy, đồn điền...

Tại Xuân Lộc, đồng chí Ngô Gia Tự (thuộc tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng) cử Nguyễn Đức Văn (Nguyễn Tam) về hoạt động trong đồn điền Cuộc-tơ-nay (nay là nông trường cao su Cẩm Mỹ).

Tháng 10-1926, hàng trăm công nhân đồn điền cao su Cam Tiêm (Ông Quế) đã nổi dậy đấu tranh với chủ đồn điền: Chống đánh đập, cúp phạt, công nhân đau ốm phải được điều trị đủ thuốc. Cuộc đấu tranh này thu được một phần thắng lợi, chủ đồn điền phải đứng ra chấp nhận và xoa dịu công nhân.

Ngày 20-9-1928, ở đồn điền Cam Tiêm (Ông Quế) lại nổ ra một cuộc đấu tranh lớn của 500 công nhân. Công

nhân đồng loạt nghỉ việc, kéo ra sân điểm (nơi điểm danh công nhân trước khi ra lô cạo mủ vào sáng sớm) biểu tình, phản đối chủ sở đánh đập, đưa yêu sách (kiến nghị) đòi tăng lương cải thiện đời sống, đòi thực hiện đúng những điều khoản trong bản “công tra” mà họ đã ký trước khi bước chân đến đồn điền.

Cuộc bãi công này kéo dài từ sáng sớm đến chiều, đã làm bọn chủ hoảng sợ. Tên Giám đốc đồn điền cấp tốc cử tên phụ tá đến sở hiến binh Xuân Lộc vào lúc 14 giờ ngày 20-9 để xin hiến binh và lính đến can thiệp. Tỉnh trưởng Biên Hòa đã cử 20 lính và 3 hiến binh đi bằng ô tô đến đàn áp, làm nhiều người chết và bị thương, nhiều người khác phải tản vào rừng. Tên chủ sở và bọn sếp phải chạy qua Dầu Giây trốn, đến hôm sau hiến binh và lính ở Cam Tiêm đến đưa về.

Trong bản điều tra của văn phòng viên Tỉnh trưởng Biên Hòa, ngày 20-9 có ghi: “Sự việc nêu trên cho thấy hiến binh Xuân Lộc khiếp vía nên phải đánh điện cho tòa bố Biên Hòa yêu cầu gọi gấp lực lượng hiến binh và điều tra viên để lập lại trật tự...”.

Vì sao đồn điền Cam Tiêm, công nhân bãi công lần thứ hai? Dưới đầu đề: “Ai và cái gì mà các công nhân gây ra cuộc nổi loạn”. Báo *Echo Annamite* ngày 20-9-1928 đã viết: “500 công nhân gốc Bắc kỳ ở đồn điền Cam Tiêm vừa nổi loạn, trật tự trở lại mau chóng sau đó khi có sự can thiệp quyết liệt. Đây là cuộc nổi loạn lần thứ 2 xảy ra trên đồn điền này. Lần thứ nhất xảy ra vào tháng 12 năm 1926 cũng do 500 công nhân này dự phần...”.

Thay vì quy trách nhiệm cho các viên chức đại diện chánh quyền và các viên chức trong đồn điền, chủ đồn điền lại xoay qua phía công nhân để tìm nguyên do gây rối mà họ có ý tự phụ là họ sẽ chế ngự được các công nhân gốc Bắc Kỳ này. Báo chí *An Nam* bài bác các cung cách của người mộ dân và lý giải nguyên nhân cuộc đấu tranh như sau: *Nhiều hứa hẹn đẹp để để phỉnh gạt những người nghèo khổ, kể cả việc cho mượn tiền trước và bằng cách để cho họ ký tên vào bản "công tra" mà chính họ chẳng biết điều khoản thứ I nói gì. Về phía các phụ nữ, thiếu nữ, người mộ dân còn nhấn tâm tước đoạt hết một số quyền lợi mà đáng lý ra người dân sắp làm công tra phải được hưởng.*

Ngày mà bản công tra bắt đầu có hiệu lực, người dân công tra mới nhận thấy rằng mình bị đặt dưới quyền lực của chủ nhân, bị đẩy đọa khổ sai ở các vườn cao su, và cảm thấy mình bị lừa một cách đốn mạt. Từ nỗi thất vọng này mới nảy sinh ra mối bất bình dẫn đến việc gây rối...

Điều cần lưu ý, đây là cuộc đấu tranh đầu tiên nổ ra trong thời kỳ vận động thành lập Đảng.

Cuộc đấu tranh của công nhân Cam Tiêm và sự đàn áp bằng bạo lực của thực dân Pháp đã làm xôn xao và gây xúc động dư luận quần chúng trong nước và ở Pháp. Tổng liên đoàn lao động Pháp đã lên tiếng phản đối sự đàn áp của bọn thực dân Pháp đối với công nhân ở đồn điền này và bày tỏ sự đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung, công nhân Cam Tiêm nói riêng.

Béc-na-đô-ni (Bernardoni), ủy viên ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Pháp, đã vạch trần tội ác của bọn

tư bản thực dân: “*Hỡi người thợ thuyền ở sở cao su. Anh có biết giá trị cao su bây giờ hạ lắm, thế mà bọn nghiệp chủ ngày càng giàu không? Anh làm lụng vất vả suốt ngày như thế mà tiền công có đủ ăn không? Anh bị bóc lột rồi anh ạ! Những sự nghiệp lớn lao làm cho người ta phải kinh hãi đó, tức là mồ hôi, nước mắt của hàng nghìn người lao động như anh vậy*”. Và ông còn kêu gọi:

“Hỡi anh em cu-ly trong các sở cao su. Nếu anh em muốn bọn nghiệp chủ phải thừa nhận lời yêu cầu chính đáng của anh em, thì anh em nên đoàn kết nhau lại cho thành một Công đoàn có thể lực...

Các anh hãy đoàn kết nhau lại, chưa muộn đâu!” ⁽¹⁾.

Lời kêu gọi Béc-na-đô-ni (Bernardon), ủy viên ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Pháp, đã tiếp thêm sức mạnh đoàn kết của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp, cho công nhân cao su trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, thực dân tư bản.

Công nhân cao su là lực lượng lao động đông nhất ở Cămpơ Mỹ, Cămpơ Tiêm cũng là đội ngũ có truyền thống đoàn kết và đấu tranh, cùng với nông dân và các tầng lớp lao động khác trở thành lực lượng chính trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc khi có Đảng lãnh đạo.

¹ Báo *Tiếng Dân* số ra ngày 13-11-1928.

Chương I

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH THỜI KỲ 1930–1945

Năm 1929, Ban chấp hành Trung ương lâm thời của “Đông Dương Cộng sản Đảng” đã cử đồng chí Ngô Gia Tự vào miền Nam hoạt động, gây dựng cơ sở Đảng trong quần chúng công nhân ở các nhà máy, đồn điền... miền Đông Nam bộ.

Đồng chí Nguyễn Đức Văn (tự Nguyễn Tam) được đồng chí Ngô Gia Tự cử về những đồn điền cao su Biên Hòa, Bà Rịa để vận động cách mạng, xây dựng cơ sở Đảng, lãnh đạo công nhân đấu tranh.

Ngày 28-10-1929, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập ở đồn điền cao su Phú Riềng gồm 6 đảng viên: Trần Tử Bình, Nguyễn Xuân Cừ, Nguyễn Mạnh Hồng, Tạ, Hòa, Doanh do Nguyễn Văn Cừ làm Bí thư Chi bộ.

Từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản Đảng chủ trì hội nghị gồm đại diện 3 tổ chức Đảng trong nước, thành lập Đảng Cộng

sản Việt Nam và ra lời kêu gọi, ban hành bản khởi thảo Luận cương chính trị của Đảng, Cương lĩnh và Điều lệ Đảng...

Sự xuất hiện của Đảng Cộng sản Việt Nam bấy giờ là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, bởi sự kiện này chấm dứt thời kỳ cách mạng Việt Nam ở trong tình trạng đen tối, không có đường ra, chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối hơn 2/3 thế kỷ, kể từ khi nước ta bị thực dân Pháp xâm lược.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam nói chung, công nhân cao su ở Biên Hòa được đẩy lên một bước mới: đấu tranh tự giác. Đặc biệt, từ khi Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Phú Riềng được thành lập, phong trào đấu tranh chống lại bọn chủ, sếp, đốc công người Pháp ngày càng lên cao và lớn hơn về quy mô và mục đích.

Ở làng Đất Đỏ, đồn điền Bình Sơn vào năm 1932, nổ ra một cuộc đấu tranh của công nhân với 2 khẩu hiệu “Chống đánh đập, chống cúp phạt”. Tháng 5-1934, công nhân đồn điền các công ty cao su ở Biên Hòa đã bãi công 2 ngày chống hạ thấp tiền lương, chủ sở phải nhượng bộ.

Năm 1934, Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tỉnh Bà Rịa đầu tiên được thành lập tại xã Phước Hải. Từ đây, những đảng viên trong Chi bộ đã đến các đồn điền cao su Bình Ba, Xà Bang, Láng Lớn, Cẩm Mỹ và các đồn điền cao su trên lộ 2 để hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng công nhân.

Tháng 6-1936, Mặt trận nhân dân Pháp, trong đó có Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt giành thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử ở Pháp.

Triệt để lợi dụng tình hình chính trị có những điều kiện thuận lợi diễn ra ở nước Pháp, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương chuyển hình thức hoạt động từ bí mật, không hợp pháp sang hoạt động công khai hợp pháp và nửa hợp pháp, tận dụng sức mạnh của báo chí cách mạng, tiến bộ nhằm tập hợp và hướng dẫn đông đảo quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, chủ yếu đòi dân sinh dân chủ, cải thiện đời sống, thông qua đó giáo dục, phát triển đội ngũ cách mạng.

Phong trào Đông Dương đại hội đã dấy lên sôi nổi trong cả nước. Các đồng chí Trương Văn Bang (nguyên Bí thư Xứ ủy Nam kỳ năm 1933), Lê Quang Sô, Trần Văn Cừ (từ Bà Rịa qua), Nguyễn Văn Nghĩa (tự Xuộc, từ Biên Hòa lên) và nhiều cán bộ khác đã về vùng Xuân Lộc và các đồn điền cao su lập ra các Ủy ban hành động để tập hợp, lãnh đạo công nhân đấu tranh. Các tài liệu của Đảng như: “Lời hiệu triệu của các Ủy ban hành động”, báo *Lao động, Dân chúng*... được phổ biến khá rộng rãi trong các đồn điền cao su. Qua đó, phong trào đã tập hợp rất nhiều trí thức, kể cả một số cai, xu tiến bộ trong các sở cao su tham gia phong trào cách mạng.

Trước không khí cởi mở trong nước, nhiều tổ chức quần chúng công khai và bán công khai được phát triển nhanh khắp các đồn điền cao su: Hội ái hữu, tương tế...

nhằm mục đích đoàn kết công nhân và bảo vệ quyền lợi công nhân.

Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa do đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm Chủ tịch. Các đồng chí Trương Văn Bang, Nguyễn Văn Nghĩa ở Biên Hòa, Lê Văn Sô, Trần Văn Cù, Nguyễn Thị Sáu ở Bà Rịa đã về các đồn điền cao su trên lộ 2 (nay thuộc huyện Cẩm Mỹ), đi vào vùng đồng bào dân tộc, các đồn điền cao su, thị trấn vận động cách mạng, khơi dậy lòng yêu nước trong các tầng lớp quần chúng. Báo *Dân chúng*, báo *Lao động* được phổ biến trong các đồn điền cao su. Nhiều tổ chức công khai hợp pháp được tổ chức trong đồn điền như Hội tương tế, Ái hữu, Hội đồng hương... để tập hợp quần chúng.

Thông qua các hoạt động, một số quần chúng yêu nước, giác ngộ đã được kết nạp vào đảng: sở cao su Hàng Gòn có đồng chí Xê, công nhân cạo mủ; sở cao su Cam Tiêm (Ông Quế) có đồng chí Nguyễn Văn Lắm (Ba Nghệ), thợ máy, đồng chí Lê Văn Vận (Năm Vận) ở thị trấn Xuân Lộc; các đồng chí người dân tộc Châu Ro như Điểu Xiển, Đoàn, Hậu...

Tháng 2-1937, tại khu rẫy Bàu Trâm thuộc tổng Bình Lâm Thượng, quận Xuân Lộc, đồng chí Phạm Hồng Hải, cán bộ do Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa tăng cường, đã triệu tập cuộc họp và thống nhất xây dựng chi bộ Đảng đầu tiên ở Xuân Lộc (cũng là của Cẩm Mỹ). Đồng chí Nguyễn Văn Huệ được cử làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Văn Lắm Phó bí thư,

các đảng viên Lê Văn Vận, Nguyễn Thành Danh, Nguyễn Minh Dưỡng, Lê Văn Như, Huỳnh Công Mật, Điều Xiển...

Chi bộ phân công đồng chí Nguyễn Văn Lắm phụ trách phong trào các đồn điền cao su; đồng chí Điều Xiển phụ trách các vùng đồng bào dân tộc; đồng chí Nguyễn Thành Danh, Nguyễn Minh Dưỡng, Lê Văn Như... phụ trách các xã Gia Cấp, Võ Quang, Bình Lộc...

Ngày 15-9-1936, Chính phủ Pháp đã ra lệnh giải tán các Ủy ban hành động, cấm tất cả các cuộc hội họp của nhân dân, bắt giam và xét xử những người đứng đầu các Ủy ban hành động, tịch thu các báo cổ động cho Đại hội Đông Dương. Bọn thực dân ở thuộc địa được lệnh của Mu-tê (Moutet), Bộ trưởng Bộ thuộc địa, cho phép dùng mọi biện pháp thích đáng như truy nã, đàn áp để chặn đứng cuộc vận động.

Ngày 1-1-1939, toàn thể công nhân các đồn điền cao su trong tỉnh Biên Hòa đã bãi công đòi tăng lương, đòi cải thiện đời sống: cho lấy nước trong sở để dùng, trại phải có ván nằm, đòi thả những người bị bắt, không được đuổi thợ vô cớ...

Trước tình hình đó, các đồng chí tổ chức hội “Những người công nhân nghèo” để tiếp tục cuộc vận động cách mạng trong công nhân cao su.

Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ. Thực dân Pháp chủ trương “tập trung lực lượng đánh vào Đảng Cộng sản một cách toàn diện và mau lẹ”, để rảnh tay đối phó với phát xít Đức. Mặt khác, chúng tăng cường bóc

lột nhân dân ta nặng nề hơn lúc nào hết, để chuẩn bị chiến tranh. Tháng 5-1940 Pháp đầu hàng phát xít Đức. Ngày 22-9-1940, Nhật đưa 6.000 quân lính chiếm Lạng Sơn, mở đầu sự xung đột Pháp – Nhật, tình thế Đông Dương bước sang một bước ngoặt mới.

Ngày 23-11-1940, khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra ở một số địa phương ở Nam bộ. Chủ trương khởi nghĩa bị thực dân phát hiện, nhiều đồng chí Trung ương và Xứ ủy bị thực dân Pháp bắt, nên cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Ở Biên Hòa, thực dân Pháp tổ chức tấn công bất ngờ vào rừng Tân Uyên, một số đồng chí trong Tỉnh ủy Biên Hòa bị hi sinh, bị bắt. Đội vũ trang phải rút vào rừng sâu để bảo tồn (cho đến Cách mạng tháng Tám 1945).

Tình hình chung, nhiều nơi địch khủng bố rất ác liệt, phong trào lắng xuống, tổ chức tan vỡ. Cán bộ một số lớn bị bắt, bị đày, một số phải chuyển vùng lánh đi nơi khác. Trong lúc tình hình khó khăn, nhưng ở các đồn điền cao su Biên Hòa phong trào cách mạng tiếp tục phát triển. Được sự bảo vệ của công nhân, đây là nơi ẩn náu tốt và là chỗ rất thuận lợi cho cán bộ lánh vào tiếp tục hoạt động.

Cuối năm 1940, đồng chí Hồ Văn Đại (Sáu Đại) đã về làng Cấp Rang (sở An Lộc), đồng chí Nguyễn Văn Long về sở Dầu Giây, Bình Lộc và một số đồng chí nữa cũng về các sở Cuộc-tơ-nay, Cam Tiêm, Hàng Gòn, Túc Trưng, Cây Gáo... hoạt động, xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng trong phong trào công nhân cao su.